

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 15
7. Báo cáo tình hình biến động vốn Chủ sở hữu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	16
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	17 - 42

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 84/UBCK – GPĐCKD ngày 05 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 9 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 VND lên 70.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 9 năm 2017 về việc thay đổi trụ sở hoạt động của Công ty.
- Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 VND lên 150.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 61/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 125/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 VND lên 300.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc người đại diện theo pháp luật thay đổi từ chứng minh nhân dân sang căn cước công dân.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 - 28) 3914 7799
- Fax : (84 - 28) 3914 4511

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép hoạt động kinh doanh là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Mai Thành Chương	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	Ủy viên	Ngày 22 tháng 4 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đào Thị Lan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Võ Thị Tuyết Nhi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty là Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên (tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

Số: 1.1265/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C


Nguyễn Thị Phước Tiên

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		298.162.734.209	261.338.525.073
I.	Tài sản tài chính	110		296.822.962.177	260.196.500.158
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	22.466.481.137	44.291.473.414
1.1	Tiền	111.1		22.466.481.137	44.291.473.414
1.2	Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	VI.3	196.341.536.451	138.781.545.788
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
4.	Các khoản cho vay	114	VI.4	75.827.087.126	75.263.991.388
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7.	Các khoản phải thu	117		1.637.374.379	1.424.137.553
7.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		1.637.374.379	1.424.137.553
7.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	VI.5	1.637.374.379	1.424.137.553
8.	Trả trước cho người bán	118	VI.6	539.668.000	430.000.000
9.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	-
10.	Phải thu nội bộ	120		-	-
11.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12.	Các khoản phải thu khác	122		10.815.084	5.352.015
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		-	-
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		1.339.772.032	1.142.024.915
1.	Tạm ứng	131		-	-
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.7a	259.277.249	82.465.585
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	VI.14	1.080.494.783	1.059.559.330
7.	Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.968.399.477	9.262.403.244
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
1.	Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2.	Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2	Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4	Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3.	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.174.573.109	1.003.130.248
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	1.072.606.449	885.868.586
	- Nguyên giá	222		4.159.177.196	3.841.777.256
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(3.086.570.747)	(2.955.908.670)
	- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		-	-
	- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	101.966.660	117.261.662
	- Nguyên giá	228		7.704.726.000	7.704.726.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.602.759.340)	(7.587.464.338)
	- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232a		-	-
	- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	250		8.793.826.368	8.259.272.996
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.10	726.807.200	706.807.200
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.7b	109.946.038	29.330.898
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	VI.11	-	-
4.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.12	7.957.073.130	7.523.134.898
5.	Tài sản dài hạn khác	255		-	-
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		308.131.133.686	270.600.928.317

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		7.009.594.456	1.935.489.825
I. Nợ phải trả ngắn hạn		310		7.009.594.456	1.935.489.825
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		311		-	-
1.1 Vay ngắn hạn		312		-	-
1.2 Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn		314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ		315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		316		-	-
5. Vay Quỹ hỗ trợ thanh toán		317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		318	VI.13	6.211.250.000	-
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính		319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn		320		-	-
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		322	VI.14	145.210.966	371.468.661
11. Phải trả người lao động		323	VI.15	239.922.146	1.011.914.518
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn		325	VI.16	220.339.507	367.320.629
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn		326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn		329	VI.17	192.871.837	184.786.017
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn		330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		332		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn		340		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		341		-	-
1.1 Vay dài hạn		342		-	-
1.2 Nợ thuê tài chính dài hạn		343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn		344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ		345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn		346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn		347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn		348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn		349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn		350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn		353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		354		-	-
13. Quỹ bảo vệ nhà đầu tư		355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		357		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		301.121.539.230	268.665.438.492
I.	Vốn chủ sở hữu	410		301.121.539.230	268.665.438.492
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		301.000.000.000	301.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a	VI.18	300.000.000.000	300.000.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	411.2	VI.18	1.000.000.000	1.000.000.000
1.3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phân vốn	411.3		-	-
1.4	Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.18	121.539.230	(32.334.561.508)
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(8.321.671.368)	(33.240.728.634)
7.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		8.443.210.598	906.167.126
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		440		308.131.133.686	270.600.928.317



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT					
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3.	Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5.	Ngoại tệ các loại	005		-	-
6.	Cổ phiếu đang lưu hành	006		-	-
7.	Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		6.341.751	7.156.351
9.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	-
13.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-
14.	Chứng quyền	014		-	-
B - TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG					
Số lượng chứng khoán					
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.19	145.488.886	143.749.462
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		43.598.386	95.336.470
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		101.560.000	48.368.392
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		330.500	44.600
f.	Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	VI.20	45.248	49.151
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		45.248	49.151
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a		-	-
5.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		-	-
6.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.	Tiền gửi của khách hàng	026	VI.21	6.830.549.184	81.884.667.568
7.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		2.852.679.184	81.699.837.568
7.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
7.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		3.977.870.000	184.830.000
	<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		3.977.870.000	184.830.000
	<i>Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		-	-
7.4	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	-
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VI.22	6.830.549.184	81.884.667.568
8.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		6.830.549.184	81.884.667.568
8.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	-
9.	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10.	Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033		-	-
11.	Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034		-	-
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024



Nguyễn Vũ Huy
Người lập biểu



Trần Lê Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		47.202.812.098	42.139.101.654
a. Lãi bán các tài sản tài chính PVTPL	01.1	VII.1	27.974.686.032	4.625.176.962
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC PVTPL	01.2	VII.2	16.226.431.841	37.513.924.692
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL	01.3		3.001.694.225	-
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4		-	-
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VII.3	3.275.636.080	3.742.688.642
1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5 Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VII.4	1.436.994.633	2.411.457.747
1.7 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VII.4	237.004.486	202.300.750
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VII.4	-	-
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	VII.4	1.151.720	1.110.560
Cộng doanh thu hoạt động	20		52.153.599.017	48.496.659.353
2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		13.202.710.210	11.394.950.158
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VII.1	4.513.321.841	11.054.920.543
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VII.2	8.689.388.369	340.029.615
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4		-	-
2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	-
2.5 Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VII.5	614.855.850	786.943.534
2.8 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VII.5	265.596.113	194.894.685
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		-	-
Cộng chi phí hoạt động	40		14.083.162.173	12.376.788.377

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VII.6	391.595.594	310.223.856
3.3 Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4 Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		391.595.594	310.223.856
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2 Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3 Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5 Chi phí tài chính khác	55		-	-
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
5. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
6. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VII.7	5.948.566.537	5.451.551.679
7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		32.513.465.901	30.978.543.153
8. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		-	-
8.2 Chi phí khác	72		57.365.163	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(57.365.163)	-
9. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		32.456.100.738	30.978.543.153
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		24.919.057.266	(6.195.351.924)
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		7.537.043.472	37.173.895.077
10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		-	-
10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	VI.14	-	-
10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2		-	-
11. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		32.456.100.738	30.978.543.153
12. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	300		-	-
12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2 Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3 Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4 Lãi, lỗ toàn diện khác	304		-	-
TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN	400		-	-
13. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		1.082	1.033
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VII.8	1.082	1.033
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Vũ Huy
Người lập biểu

Trần Lê Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		32.456.100.738	30.978.543.153
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		145.957.079	866.330.837
- Khấu hao tài sản cố định	03	VI.8, VI.9	145.957.079	866.330.837
- Các khoản dự phòng	04		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	-
- Dự thu tiền lãi	08		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		8.689.388.369	340.029.615
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	VII.2	8.689.388.369	340.029.615
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay	13		-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(16.226.431.841)	(37.513.924.692)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	VII.2	(16.226.431.841)	(37.513.924.692)
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		25.065.014.345	(5.329.021.087)
- Tăng, giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	VI.3	(50.022.947.191)	6.347.463.581
- Tăng, giảm Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		-	-
- Tăng, giảm Các khoản cho vay	33	VI.4	(563.095.738)	(4.459.546.598)
- Tăng, giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	-
- Tăng, giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-
- Tăng, giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	VI.5	(213.236.826)	62.578.928
- Tăng, giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu khác	39		(26.398.522)	(1.206.303)
- Tăng, giảm các tài sản khác	40	VI.10, VI.12	(453.938.232)	(732.875.648)
- Tăng, giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	VI.16	(146.981.122)	131.259.838
- Tăng, giảm chi phí trả trước	42	VI.7	(257.426.804)	(157.728.700)
- Thuế TNDN đã nộp	43		-	-
- Lãi vay đã trả	44		-	-
- Tăng, giảm phải trả cho người bán	45		-	-
- Tăng, giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	-
- Tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	VI.14	(226.257.695)	1.976.865
- Tăng, giảm phải trả người lao động	48	VI.15	(771.992.372)	(311.006.491)
- Tăng, giảm phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49		-	-
- Tăng, giảm phải trả, phải nộp khác	50	VI.13, VI.17	6.219.335.820	176.384.181
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(21.397.924.337)	(4.271.721.434)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	VI.8, IX.	(427.067.940)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	-
3.	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		70		(427.067.940)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		-	-
3.	Tiền vay gốc	73		-	-
-	Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
-	Tiền vay khác	73.2		-	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
-	Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
-	Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
-	Tiền chi trả gốc gốc vay khác	74.3		-	-
5.	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		80		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ		90		(21.824.992.277)	(4.271.721.434)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		101	VI.1	44.291.473.414	19.316.483.722
-	Tiền	101.1		44.291.473.414	19.316.483.722
-	Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
-	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		103	VI.1	22.466.481.137	15.044.762.288
-	Tiền	103.1		22.466.481.137	15.044.762.288
-	Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-
-	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		2.164.517.087.696	4.395.920.085.880
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.239.571.206.080)	(4.395.240.387.698)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		-	-
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	10		-	-
11. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	11		-	-
12. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	13		-	-
14. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(75.054.118.384)	679.698.182
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	VI.21	81.884.667.568	4.050.114.257
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		81.884.667.568	4.050.114.257
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		81.699.837.568	3.645.694.257
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		184.830.000	404.420.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		-	-
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Các khoản tương đương tiền	36		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	VI.21	6.830.549.184	4.729.812.439
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		6.830.549.184	4.729.812.439
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		2.852.679.184	2.767.052.439
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		3.977.870.000	1.962.760.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	-
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Các khoản tương đương tiền	46		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Vũ Huy
Người lập biểuTrần Lê Anh
Kế toán trưởngNguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm				Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ			
		Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này	
						Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
I. Biến động vốn chủ sở hữu		197.341.470.141	268.665.438.492			30.978.543.153	-	32.456.100.738	-	228.320.013.294		301.121.539.230	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VI.18	301.000.000.000	301.000.000.000			-	-	-	-	301.000.000.000		301.000.000.000	
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000			-	-	-	-	300.000.000.000		300.000.000.000	
1.2 Cổ phiếu ưu đãi		-	-			-	-	-	-	-		-	
1.3 Thặng dư vốn cổ phần		1.000.000.000	1.000.000.000			-	-	-	-	1.000.000.000		1.000.000.000	
1.4 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn		-	-			-	-	-	-	-		-	
1.5 Vốn khác của chủ sở hữu		-	-			-	-	-	-	-		-	
2. Cổ phiếu quỹ		-	-			-	-	-	-	-		-	
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-			-	-	-	-	-		-	
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	-			-	-	-	-	-		-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-			-	-	-	-	-		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-			-	-	-	-	-		-	
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-			-	-	-	-	-		-	
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(103.658.529.859)	(32.334.561.508)			30.978.543.153	-	32.456.100.738	-	(72.679.986.706)		121.539.230	
8.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(50.684.570.395)	(33.240.728.634)			(6.195.351.924)	-	24.919.057.266	-	(56.879.922.319)		(8.321.671.368)	
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(52.973.959.464)	906.167.126			37.173.895.077	-	7.537.043.472	-	(15.800.064.387)		8.443.210.598	
Cộng		197.341.470.141	268.665.438.492			30.978.543.153	-	32.456.100.738	-	228.320.013.294		301.121.539.230	

II. Thu nhập toàn diện khác

1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Lãi, lỗ đánh giá lại TED theo mô hình giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Lãi, lỗ toàn diện khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tổng cộng

	197.341.470.141	268.665.438.492			30.978.543.153	-		32.456.100.738	-	228.320.013.294		301.121.539.230	
--	-----------------	-----------------	--	--	----------------	---	--	----------------	---	-----------------	--	-----------------	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024


Nguyễn Vũ Huy
Người lập biểu


Trần Lê Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 84/UBCK – GPHĐKD ngày 05 tháng 3 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

2. Địa chỉ liên hệ

Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 04 tháng 4 năm 2007 và sửa đổi bổ sung ngày 29 tháng 12 năm 2021.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

- Quy mô vốn của Công ty: 300.000.000.000 VND.
- Mục tiêu hoạt động: không ngừng tìm kiếm các cơ hội phát triển kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.
- Hạn chế đầu tư của Công ty:
 - Không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
 - Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.
 - Không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính

2.1. Nguyên tắc phân loại và ghi nhận tài sản tài chính (FVTPL, HTM, các khoản cho vay, AFS):

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu, bao gồm các loại sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản giữa niên độ tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2.2. Nguyên tắc phân loại nợ tài chính:

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính, hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao, và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng chưa ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu thanh toán.

2.5. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

2.6. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp

Công ty nhận các tài sản đầu tư được thế chấp/cầm cố do Công ty quản lý để đảm bảo các khoản cho vay của Công ty.

Trong trường hợp bên đi vay không thực hiện đúng nghĩa vụ phải trả, Công ty sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của bên đi vay sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của bên đi vay bắt đầu quá hạn.

Các tài sản nhận thế chấp/cầm cố được theo dõi riêng và không trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính: Toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán (không qua các Sở Giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác: phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay” trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Phương tiện vận tải

06

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 – 07

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm đến 05 năm.

7. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

7.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - a. Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - b. Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

7.2. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

9. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

13. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các tài sản tài chính

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán, vay tiền margin và có hợp đồng ký quỹ đảm bảo. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là trung bình.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.828.319.201	4.039.531.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.638.161.936	40.251.942.021
Cộng	22.466.481.137	44.291.473.414

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
<i>Của công ty chứng khoán</i>	<i>35.090.066</i>	<i>812.430.843.000</i>
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	33.859.400	659.288.530.000
Trái phiếu	1.230.666	153.142.313.000
Chứng khoán khác	-	-
<i>Của người đầu tư</i>	<i>41.508.208</i>	<i>942.624.322.560</i>
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	40.012.642	758.057.962.560
Trái phiếu	1.495.566	184.566.360.000
Chứng khoán khác	-	-
Cộng	76.598.274	1.755.055.165.560

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<i>Cổ phiếu</i>	<i>127.280.630.870</i>	<i>127.779.536.451</i>	<i>137.875.378.662</i>	<i>138.781.545.788</i>
PC1	3.759.166.664	3.737.500.000	-	-
BVH	23.060.893.764	25.019.400.000	27.707.725.137	25.619.700.000
CII	35.536.406.636	30.812.346.000	34.648.386.265	36.485.439.988
EIB	20.657.599.529	21.175.560.000	907.500.000	917.500.000
VPB	3.253.216.608	3.266.547.500	10.713.125.644	10.752.960.000
HSG	9.057.884.884	9.886.497.951	6.387.610.045	7.792.150.800
IJC	13.128.342.103	13.591.155.000	19.245.264.359	17.112.465.000
NBB	15.707.120.682	17.190.530.000	21.487.383.406	21.838.770.000
CTG	3.120.000.000	3.100.000.000	-	-
TCH	-	-	12.833.812.377	14.266.560.000
DPM	-	-	3.944.571.429	3.996.000.000
<i>Trái phiếu</i>	<i>60.617.694.983</i>	<i>68.562.000.000</i>	-	-
CII424002	60.617.694.983	68.562.000.000	-	-
Cộng	187.898.325.853	196.341.536.451	137.875.378.662	138.781.545.788

4. Các khoản cho vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho bên liên quan vay</i>	<i>1.195.555.431</i>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành - Ứng trước tiền bán chứng khoán	1.195.555.431	-
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<i>74.631.531.695</i>	<i>75.263.991.388</i>
Ứng trước tiền bán chứng khoán	6.532.531.950	93.786.889
Phải thu theo hợp đồng ký quỹ margin	68.098.999.745	75.170.204.499
Cộng	75.827.087.126	75.263.991.388

5. Các khoản phải thu

Phải thu tiền lãi của hợp đồng ký quỹ margin.

6. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Giải pháp Phần mềm F&B	430.000.000	430.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT	109.668.000	-
Cộng	539.668.000	430.000.000

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	29.744.167	-
Chi phí dịch vụ	229.533.082	82.465.585
Cộng	259.277.249	82.465.585

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	99.857.090	16.029.588
Chi phí dịch vụ	10.088.948	13.301.310
Cộng	109.946.038	29.330.898

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	648.605.700	3.193.171.556	3.841.777.256
Mua trong kỳ	-	317.399.940	317.399.940
Số cuối kỳ	648.605.700	3.510.571.496	4.159.177.196
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.550.928.556	2.550.928.556
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	216.201.913	2.739.706.757	2.955.908.670
Khấu hao trong kỳ	54.050.478	76.611.599	130.662.077
Số cuối kỳ	270.252.391	2.816.318.356	3.086.570.747
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	432.403.787	453.464.799	885.868.586
Số cuối kỳ	378.353.309	694.253.140	1.072.606.449
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	7.704.726.000	7.587.464.338	117.261.662
Khấu hao trong kỳ		15.295.002	
Số cuối kỳ (*)	7.704.726.000	7.602.759.340	101.966.660

(*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 7.551.776.000 VND.

10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

Ký quỹ thuê văn phòng và đặt cọc hợp đồng dịch vụ cung cấp thông tin.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế phát sinh năm 2022 chưa sử dụng là 11.350.954.903 VND (số đầu năm là 36.327.377.332 VND).

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.523.134.898	6.906.557.010
Tiền nộp bổ sung	433.938.232	616.577.888
Số cuối kỳ	<u>7.957.073.130</u>	<u>7.523.134.898</u>

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả tiền gửi bù trừ giao dịch chứng khoán tự doanh.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	71.484	-	43.428	(101.136)	13.776	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.059.559.330	-	-	-	1.059.559.330
Thuế thu nhập cá nhân	371.397.177	-	898.398.971	(1.145.534.411)	145.197.190	20.935.453
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	<u>371.468.661</u>	<u>1.059.559.330</u>	<u>901.442.399</u>	<u>(1.148.635.547)</u>	<u>145.210.966</u>	<u>1.080.494.783</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ môi giới chứng khoán Không chịu thuế
- Dịch vụ khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.919.057.265	(6.195.351.924)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	57.365.164	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	24.976.422.429	(6.195.351.924)
Lỗi các năm trước được chuyển	(24.976.422.429)	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 còn phải trả nhân viên.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phí giao dịch sàn	80.574.252	228.950.343
Phí lưu ký chứng khoán và phí chuyển khoản	44.000.000	44.000.000
Các khoản chi phí khác	95.765.255	94.370.286
Cộng	220.339.507	367.320.629

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>180.000.000</i>	<i>180.000.000</i>
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan - Thù lao hội đồng quản trị	180.000.000	180.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>12.871.837</i>	<i>4.786.017</i>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.871.837	4.786.017
Cộng	192.871.837	184.786.017

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	199.870.000.000	199.870.000.000
Ông Mai Thanh Trường	7.700.000.000	7.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	57.360.000.000	57.360.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	22.000.000.000	22.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	7.620.000.000	7.620.000.000
Bà Hồ Trần Ngọc Anh	5.450.000.000	5.450.000.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

Theo Giấy phép điều chỉnh số 125/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 tương ứng với 30.000.000 cổ phần.

18b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18c. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện cuối kỳ lần lượt là (8.321.671.368) VND và 8.443.210.598 VND (số đầu năm là (33.240.728.634) VND và 906.167.126 VND).

18d. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi đã thực hiện chưa phân phối lũy kế đầu năm	(33.240.728.634)	(50.684.570.395)
Lãi/(Lỗ) chưa thực hiện lũy kế đầu năm	906.167.126	(52.973.959.464)
Lãi/(Lỗ) đã thực hiện trong kỳ	24.919.057.266	(6.195.351.924)
Lãi/(Lỗ) chưa thực hiện trong kỳ	7.537.043.472	37.173.895.077
Chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông tính đến ngày cuối kỳ	(8.321.671.368)	(56.879.922.319)
Số lãi phân phối cho cổ đông	-	-
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	-	-
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	-	-

19. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối kỳ	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	43.598.386	95.336.470
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	101.560.000	48.368.392
Tài sản tài chính chờ thanh toán	330.500	44.600
Cộng	145.488.886	143.749.462

20. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng với số lượng cuối kỳ là 45.248 (số lượng đầu năm là 49.151).

21. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.852.679.184	81.699.837.568
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.977.870.000	184.830.000
Cộng	6.830.549.184	81.884.667.568

22. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý số cuối kỳ là 6.830.549.184 VND (số đầu năm là 81.884.667.568 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Lãi (lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi /(lỗ) bán chứng khoán	
				Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu	13.169.500	263.230.647.462	242.600.143.414	20.630.504.048	4.625.176.962
Lãi bán HSG	1.640.000	38.421.191.792	35.985.106.674	2.436.085.118	497.573.953
Lãi bán BVH	379.000	16.920.690.001	16.094.682.280	826.007.721	257.140.000
Lãi bán IJC	390.000	6.061.204.999	5.577.692.378	483.512.621	-
Lãi bán VPB	1.931.900	37.396.708.435	36.435.672.857	961.035.578	1.565.994.739
Lãi bán CII	3.142.500	60.171.224.991	54.463.495.143	5.707.729.848	-
Lãi bán TCH	3.718.000	57.528.750.070	50.488.772.377	7.039.977.693	-
Lãi bán NBB	817.700	19.529.480.634	17.558.292.834	1.971.187.800	770.350.583
Lãi bán PC1	20.000	591.000.000	578.333.333	12.666.667	-
Lãi bán TIP	10.000	232.000.000	222.895.000	9.105.000	-
Lãi bán DPM	205.400	6.906.646.538	6.752.301.538	154.345.000	181.531.429
Lãi bán PVD	180.000	5.025.000.000	4.911.500.000	113.500.000	864.242.369
Lãi bán EIB	735.000	14.446.750.000	13.531.398.998	915.351.002	-
Lãi bán NVL	-	-	-	-	172.605.972
Lãi bán PDR	-	-	-	-	40.000.000
Lãi bán HPG	-	-	-	-	107.500.000
Lãi bán DIG	-	-	-	-	168.237.917
Trái phiếu	431.800	57.951.100.001	50.606.918.017	7.344.181.984	-
Lãi bán CII424002	431.800	57.951.100.001	50.606.918.017	7.344.181.984	-
Cộng lãi				27.974.686.032	4.625.176.962
Cổ phiếu	4.368.700	78.442.395.000	82.955.716.841	(4.513.321.841)	(10.994.920.543)
Lỗ bán BVH	82.200	3.433.945.000	3.506.444.093	(72.499.093)	(17.615.000)
Lỗ bán CII	1.380.000	23.270.000.000	25.506.464.485	(2.236.464.485)	(10.584.079.787)
Lỗ bán DPM	60.000	1.966.000.000	1.969.571.429	(3.571.429)	-
Lỗ bán EIB	450.000	8.004.605.000	8.373.611.473	(369.006.473)	-
Lỗ bán HSG	528.100	10.887.930.000	11.673.355.281	(785.425.281)	(101.111.867)
Lỗ bán IJC	1.191.600	17.724.160.000	18.582.829.878	(858.669.878)	-
Lỗ bán NBB	206.800	4.321.890.000	4.387.815.523	(65.925.523)	-
Lỗ bán VPB	470.000	8.833.865.000	8.955.624.679	(121.759.679)	-
Lỗ bán NVL	-	-	-	-	(21.765.972)
Lỗ bán DIG	-	-	-	-	(82.847.917)
Lỗ bán HPG	-	-	-	-	(187.500.000)
Trái phiếu	-	-	-	-	(60.000.000)
Lỗ bán CII2013	-	-	-	-	(60.000.000)
Cộng lỗ				(4.513.321.841)	(11.054.920.543)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Chênh lệch tăng / (giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính (FVTPL)

Danh mục các tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong kỳ	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
Cổ phiếu	127.280.630.870	127.779.536.451	498.905.581	906.167.126	(407.261.545)	8.282.126.824	(8.689.388.369)
BVH	23.060.893.764	25.019.400.000	1.958.506.236	(2.088.025.137)	4.046.531.373	4.046.531.373	-
CII	35.536.406.636	30.812.346.000	(4.724.060.636)	1.837.053.723	(6.561.114.359)	-	(6.561.114.359)
DPM	-	-	-	51.428.571	(51.428.571)	-	(51.428.571)
EIB	20.657.599.529	21.175.560.000	517.960.471	10.000.000	507.960.471	507.960.471	-
HSG	9.057.884.884	9.886.497.951	828.613.067	1.404.540.755	(575.927.688)	-	(575.927.688)
IJC	13.128.342.103	13.591.155.000	462.812.897	(2.132.799.359)	2.595.612.256	2.595.612.256	-
NBB	15.707.120.682	17.190.530.000	1.483.409.318	351.386.594	1.132.022.724	1.132.022.724	-
TCH	-	-	-	1.432.747.623	(1.432.747.623)	-	(1.432.747.623)
PCI	3.759.166.664	3.737.500.000	(21.666.664)	-	(21.666.664)	-	(21.666.664)
CTG	3.120.000.000	3.100.000.000	(20.000.000)	-	(20.000.000)	-	(20.000.000)
VPB	3.253.216.608	3.266.547.500	13.330.892	39.834.356	(26.503.464)	-	(26.503.464)
Trái phiếu	60.617.694.983	68.562.000.000	7.944.305.017	-	7.944.305.017	7.944.305.017	-
CII424002	60.617.694.983	68.562.000.000	7.944.305.017	-	7.944.305.017	7.944.305.017	-
Cộng	187.898.325.853	196.341.536.451	8.443.210.598	906.167.126	7.537.043.472	16.226.431.841	(8.689.388.369)

3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Doanh thu từ hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán.

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu các bên liên quan

Các giao dịch về lãi từ các khoản cho vay và phải thu các bên liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành		
Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	73.775.994	122.098.750
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành		
Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	11.376.666	56.565.314

4. Doanh thu hoạt động khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới chứng khoán	1.436.994.633	2.411.457.747
Doanh thu lưu ký chứng khoán	237.004.486	202.300.750
Doanh thu khác	1.151.720	1.110.560
Cộng	1.675.150.839	2.614.869.057

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành		
Phí giao dịch chứng khoán	548.091.891	803.894.600
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành		
Phí giao dịch chứng khoán	47.523.620	276.573.867

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí hoạt động

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí môi giới chứng khoán	614.855.850	786.943.534
Phí lưu ký chứng khoán	265.596.113	194.894.685
Cộng	880.451.963	981.838.219

6. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	22.414.237	14.827.481
Lãi ký quỹ thanh toán	369.181.357	295.396.375
Cộng	391.595.594	310.223.856

7. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.058.564.277	2.703.760.210
Chi phí công cụ, dụng cụ	87.838.303	46.126.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.957.079	866.330.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.398.061.724	1.752.208.383
Các chi phí khác	258.145.154	83.125.951
Cộng	5.948.566.537	5.451.551.679

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.456.100.738	30.978.543.153
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.456.100.738	30.978.543.153
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.082	1.033

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ghi chú
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nhưng trước khi Báo cáo tài chính giữa niên độ được phép phát hành	Không có
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản trả trước tiền mua sắm tài sản cố định là 539.668.000 VND (số đầu năm là 430.000.000 VND).

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh các giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh VI.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.336.240.132	1.286.070.403
Bảo hiểm	11.326.320	11.096.820
Cộng	1.347.566.452	1.297.167.223

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành	Có cùng người đại diện pháp luật với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VII.3 và VII.4, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành		
Ứng trước tiền bán chứng khoán	100.295.258.356	144.474.599.989
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành		
Ứng trước tiền bán chứng khoán	12.200.485.424	73.935.447.879

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh VI.4.

2. Thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.332.932.800	2.361.600.000
Trên 01 năm đến 05 năm	2.654.405.600	3.739.200.000
Cộng	4.987.338.400	6.100.800.000

Công ty thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 và được gia hạn thời gian thuê đến ngày 31 tháng 7 năm 2026.

3. Thông tin về bộ phận

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh môi giới và lưu ký chứng khoán.
- Lĩnh vực kinh doanh tự doanh.
- Lĩnh vực cho vay margin
- Các lĩnh vực khác: tư vấn tài chính và lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.673.999.119	47.202.812.089	3.275.636.080	1.151.720	52.153.599.017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.673.999.119	47.202.812.089	3.275.636.080	1.151.720	52.153.599.017
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	793.547.156	34.000.101.888	3.275.636.080	1.151.720	38.070.436.844
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(5.948.566.537)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					32.121.870.307
Doanh thu hoạt động tài chính					391.595.594
Chi phí tài chính					-
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					(57.365.163)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					32.456.100.738
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					415.953.940
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					163.895.939
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.613.758.497	42.139.101.654	3.742.688.642	1.110.560	48.496.659.353
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.613.758.497	42.139.101.654	3.742.688.642	1.110.560	48.496.659.353
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.631.920.278	30.744.151.496	3.742.688.642	1.110.560	36.119.870.976
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(5.451.551.679)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					30.668.319.297
Doanh thu hoạt động tài chính					310.223.856
Chi phí tài chính					-
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					30.978.543.153
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					14.670.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					896.779.722
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Môi giới chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	196.341.536.451	77.464.461.505	-	273.805.997.956
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					34.325.135.730
Tổng tài sản					308.131.133.686
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	6.211.250.000	-	-	6.211.250.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					798.344.456
Tổng nợ phải trả					7.009.594.456
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	138.781.545.788	76.688.128.941	-	215.469.674.729
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					55.131.253.588
Tổng tài sản					270.600.928.317
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.935.489.825
Tổng nợ phải trả					1.935.489.825

4. Thông tin khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2024 ngày 26 tháng 4 năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai xin cấp phép nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và dự kiến phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty với số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 15.000.000 cổ phiếu và tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là 150.000.000.000 VND. Thời gian dự kiến thực hiện chào bán trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh X.4, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Vũ Huy
Người lập biểu

Trần Lê Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG
KHOÁN
VIỆT
THÀNH

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
THÀNH
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH,
L=Quận 1, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
THÀNH,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0305544188
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2024.08.14 10:52:49+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1